TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BM** **TỈNH VL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:28/2022/HNGĐ-ST
Ngày:18/5/2022
"V/v Tranh chấp Ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông L P H;

Ông B V K.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18/3/2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N T B H, sinh năm 1981 – Có mặt;

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số 526, tổ 25, khóm 5, phường CV, thị xã BM, tỉnh VL.

Địa chỉ hiện đang cư trú: Tổ 1, ấp TT, xã TA, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh C N P, sinh năm 1977 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 526, tổ 25, khóm 5, phường CV, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2022 và biên bản hòa giải ngày 29/4/2022, nguyên đơn chị N T B H trình bày:* Vào năm 2000, chị N T B H và anh C N P qua sự mai mối tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số: 46, quyển số 1, ngày 12 tháng 9 năm

2000 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện BM (Nay là thị xã BM), tỉnh VL. Trong quá trình chung sống giữa chị N T B H và anh C N P có 02 người con chung tên C H S, sinh ngày 14/5/2002 và C H A, sinh ngày 12/7/2011. Vợ chồng tạo lập một số tài sản chung và không có nợ chung.

Chị N T B H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh Phương không lo làm ăn, chỉ ăn nhậu và không quan tâm đến gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị N T B H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị N T B H và anh C N P không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị N T B H yêu cầu ly hôn anh C N P.

+ Về con chung: Chị B H và anh Phương có 02 người con chung tên C H S, sinh ngày 14/5/2002 và C H A, sinh ngày 12/7/2011. Chị B H yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Hoàng Anh, không yêu cầu anh Phương cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Hoàng Sang đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2022 bị đơn anh C N P trình bày:* Anh C N P kết hôn với chị N T B H có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa anh C N P và chị N T B H có 02 người con chung tên C H S, sinh ngày 14/5/2002 và C H A, sinh ngày 12/7/2011. Vợ chồng tạo lập một số tài sản chung và không có nợ chung. Việc chị N T B H có đơn yêu cầu ly hôn thì anh Phương có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Anh Phương không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị N T B H mà yêu cầu vợ chồng đoàn tụ lo cho con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Chị N T B H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Bị đơn trình bày: Anh C N P không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị N T B H, anh Phương yêu cầu vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 08/3/2022 của Công an phường CV), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị N T B H và anh C N P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị N T B H và anh C N P đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời chị N T B H đã nộp đơn xin ly hôn và được tòa án thụ lý giải quyết trước đó 01 lần và chị B H đã cho anh Phương thêm cơ hội sửa chữa bản thân nên chị B H rút đơn được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án tại quyết định số 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 18/3/2021. Sau khi vợ chồng đoàn tụ nhưng không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng và cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T B H là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N T B H và anh C N P có 02 người con chung tên C H S, sinh ngày 14/5/2002 và C H A, sinh ngày 12/7/2011.

Tại bản khai đề ngày 08/3/2022 bé C H A nêu nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của bé C H A, hiện đang sinh sống cùng chị N T B H, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên C H A, sinh ngày 12/7/2011 cho chị N T B H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C N P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh C N P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Đối với bé C H S, sinh ngày 14/5/2002 đã trưởng thành, nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N T B H và anh C N P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị N T B H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 39 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51 và khoản 1, Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T B H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N T B H được ly hôn với anh C N P.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên C H A, sinh ngày 12/7/2011 cho chị N T B H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C N P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh C N P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Đối với bé C H S, sinh ngày 14/5/2002 đã trưởng thành, nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị N T B H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị N T B H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00112439, ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị N T B H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Phi Hùng – Bùi Văn Khanh

N T L T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân xã TA: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T